TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều M, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1997; Nơi cư trú: Ấp PH, xã TP, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấp PH, xã NG, thành phố Cần Thơ).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1991; Nơi cư trú: Ấp LC, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp LC, xã LK, tỉnh Đồng Tháp).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều M trình bày: Vào năm 2015, chị có quen biết với anh Nguyễn Đức Ng, sau thời gian tìm hiểu được khoảng 04 tháng thì chị và anh Ng tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho chị và anh Ng vào ngày 25 tháng 12 năm 2015, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân

dân xã LK, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới hai vợ chồng chị cùng đi làm ở Bình Dương. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, tiền bạc trong gia đình, cả hai không có tiếng nói chung, cũng có lúc cực cãi nhau, sống chung không còn hạnh phúc. Chị và anh Nguyễn Đức Ng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, trong thời gian không còn sống chung thì chị và anh Ng không có liên lạc gì với nhau, anh Ng cũng không đến thăm con. Chị nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức Ng. Về nuôi con chung: Chị M yêu cầu đươc nuôi 02 con chung Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2016 và Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2024, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Đức Ng đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Trần Thị Kiều M được ly hôn với anh Nguyễn Đức Ng; Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2016 và Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2024 cho chị M nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu nên không buộc anh Ng cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Chị M trình bày không có, còn anh Ng không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị Kiều M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đức Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Kiều M và anh Nguyễn Đức Ng là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kiều M đối với anh Nguyễn Đức Ng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị M thì cuộc sống của chị và anh Ng không còn hạnh phúc từ tháng 10 năm

2024 do phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, tiền bạc trong gia đình, cả hai không có tiếng nói chung, cũng có lúc cực cãi nhau, sống chung không còn hạnh phúc, chị và anh Ng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, trong thời gian không còn sống chung thì chị và anh Ng không có liên lạc gì với nhau, anh Ng cũng không đến thăm con. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị M và anh Ng hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Trần Thị Kiều M ly hôn với anh Nguyễn Đức Ng.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Trần Thị Kiều M yêu cầu đươc tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2016 và Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2024, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị M và anh Ng không còn sống chung thì 02 con chung đều do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo việc sinh hoạt bình thường của 02 con chung, không bị xáo trộn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho chị M tiếp tục giải quyết, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Kiều M cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Nguyễn Đức Ng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kiều M. Cho chị Trần Thị Kiều M được ly hôn với anh Nguyễn Đức Ng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Trần Thị Kiều M được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2016 và Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2024.

2.2. Anh Nguyễn Đức Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Kiều M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000930 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị M không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã LK, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng